

Số: 03/2018/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 09 tháng 02 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định một số điều tại Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Sơn La**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

*Căn cứ Luật tổ chức tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật NSNN năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật NSNN;*

*Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2016 - 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 54/TTr-STC ngày 05/02/2018.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết một số điều tại Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

*(Có qui định kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 02 năm 2018.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thành viên Ban chỉ đạo xây dựng Nông thôn mới; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra VB QPPL, Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, Hà 45b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Cầm Ngọc Minh**

## QUY ĐỊNH

**Cụ thể một số điều tại Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 -2020 trên địa bàn tỉnh Sơn La**

*(Kèm theo Quyết định số: 03/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Sơn La)*

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, Đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định chi tiết Khoản 3, Điều 7; Điểm c, Khoản 2, Điều 32; Khoản 3, Điều 34 tại Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2016-2020.

2. Đối tượng áp dụng: Áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình theo quy định tại Khoản 2, Điều 1 Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính.

### Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

**Điều 2. Quy định cụ thể khoản 3, Điều 7 về Hỗ trợ dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm.**

1. Chi hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết (*chỉ áp dụng đối với xây dựng liên kết theo chuỗi giá trị mới*), bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường. **Mức hỗ trợ 100%** chi phí thực hiện, trong đó chi tiền công theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN, chi công tác phí, hội thảo, hội nghị theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh qui định mức chi công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Chi tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, nâng cao năng lực quản lý, quản trị chuỗi giá trị, phát triển thị trường. Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh qui định mức chi công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 02/12/2014 của UBND tỉnh Sơn La về việc qui định đối tượng học viên hưởng chế độ hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian tập trung học trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3. Chi hỗ trợ áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ (*bao gồm các quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và các chứng nhận chất lượng sản phẩm theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản và Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg.

4. Chi hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm theo dự án được cấp cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 3 vụ/chu kỳ sản xuất. Mức hỗ trợ cụ thể:

- Hỗ trợ 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm, mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/doanh nghiệp hoặc hợp tác xã, liên minh hợp tác xã.

- Hỗ trợ 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu (*bao gồm: các loại phân bón, hóa chất, thức ăn chăn nuôi*) thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn, huyện nghèo.

**Điều 3 Quy định cụ thể Điểm c, Khoản 2, Điều 32 về phê duyệt thiết kế mẫu và giá thành nhà tiêu hợp vệ sinh phù hợp với điều kiện của địa phương làm căn cứ hỗ trợ:**

- Đối với các đối tượng: Trường học, trạm y tế xã hỗ trợ 25% giá thành nhà tiêu hợp vệ sinh mẫu.

- Phê duyệt thiết kế mẫu và giá thành nhà tiêu hợp vệ sinh: Thực hiện theo quyết định của UBND tỉnh về phê duyệt thiết kế mẫu và giá thành nhà tiêu hợp vệ sinh.

**Điều 4. Quy định cụ thể Khoản 3, Điều 34 về chi hỗ trợ thu gom, xử lý chất thải rắn; thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, phân tán; cải tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.**

- Hỗ trợ hoạt động thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt tại các xã đặc biệt khó khăn, các làng nghề truyền thống, làng nghề được công nhận thuộc ngành nghề được khuyến khích phát triển theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Mức hỗ trợ bằng mức giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La theo qui định hiện hành của UBND tỉnh.

- Hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách xây dựng hố rác di động để tự phân loại và xử lý chất thải rắn tại gia đình. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 200.000 đồng/hộ.

- Hỗ trợ công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, tập huấn, tham quan, học tập các mô hình về quản lý, thu gom và xử lý chất thải, nước thải cho các tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới. Mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo đúng qui định của pháp luật, phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

- Hỗ trợ mua cây và hạt giống, phân bón, xây dựng bồn cây dọc các tuyến đường theo quy hoạch; Hỗ trợ cải tạo, phục hồi môi trường diện tích mặt nước công cộng trong khu vực dân cư (*gồm ao, hồ, kênh, mương, sông*) để xây dựng, cải tạo cảnh quan môi trường nông thôn. Mức hỗ trợ theo dự án, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo đúng qui định của pháp luật, phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, cụ thể:

+ Các xã đặc biệt khó khăn: Các xã dưới 5 tiêu chí: Mức hỗ trợ 100%; các xã từ 5 tiêu chí đến dưới 15 tiêu chí: Mức hỗ trợ 80%; các xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên: Mức hỗ trợ 26%.

+ Các xã còn lại, không thuộc đối tượng ưu tiên nêu trên (*bao gồm cả các xã đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, để tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí và đạt chuẩn bền vững*): Mức hỗ trợ 20%.

### **Chương III**

## **TRÁCH NHIỆM THI HÀNH**

#### **Điều 5. Trách nhiệm các Sở, ngành**

##### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.**

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cụ thể cho từng nội dung theo mức chi, nội dung chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 7/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện tập huấn nâng cao năng lực, nhận thức cho cộng đồng và người dân về nông thôn mới; tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ xây dựng nông thôn mới.

2. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt thiết kế mẫu và giá thành xây dựng chuồng trại hợp vệ sinh; nhà tiêu hợp vệ sinh qui mô hộ gia đình, trường học, trạm y tế hợp vệ sinh, phù hợp với điều kiện của địa phương.

3. Sở Tài nguyên và môi trường: Chủ trì tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt hướng dẫn kỹ thuật xây dựng hồ rác di động phù hợp với điều kiện của địa phương để tự phân loại và xử lý chất thải rắn tại gia đình.

4. Sở Tài chính: Hướng dẫn trình lập, phân bổ, chấp hành dự toán, thanh quyết toán kinh phí theo quy định của Luật NSNN, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật NSNN và các văn bản hiện hành.

5. Các Sở, ban, ngành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực các nội dung theo Quyết định của UBND tỉnh.

#### **Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

1. UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm rà soát đối tượng, nội dung được hỗ trợ theo qui định tại Điều 2, Điều 3, Điều 4 đảm bảo nguyên tắc thực hiện trong phạm vi dự toán đã được HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao.

2. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân các xã thực hiện tốt các nội dung hỗ trợ tại Quyết định này.

3. Tổ chức huy động các nguồn lực và chỉ đạo lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án trên địa bàn để thực hiện xây dựng nông thôn mới.

4. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung được hỗ trợ của Ủy ban nhân dân các xã và tổ chức nghiệm thu, thanh quyết toán theo qui định, hàng tháng báo cáo gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

5. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương và Quyết định của UBND tỉnh Sơn La./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Cầm Ngọc Minh**